



XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PHỔ THÔNG TỈNH HUNG YÊN THỜI KÌ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

• ThS. NGUYỄN KHẮC HÀO

Có thể nói, chưa bao giờ giáo dục Việt Nam đứng trước những đòi hỏi và thách thức gay gắt như hiện nay. Đất nước đổi mới, đẩy mạnh hội nhập; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH), chất lượng nguồn nhân lực được coi là nhân tố quyết định.

Để giải bài toán chất lượng giáo dục, có rất nhiều việc phải tiến hành đồng thời, trong đó đổi mới quản lí giáo dục (QLGD), tăng cường vai trò, hiệu quả của CBQL (CBQL) phải được coi là nhiệm vụ hàng đầu.

Bác Hồ đã chỉ rõ: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”.

Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X (5-14/ 1/ 2009) tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII về Chiến lược cán bộ thời kì đẩy mạnh CNH, HĐH quán triệt sâu sắc quan điểm: Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Đổi mới công tác cán bộ, xây dựng mới tiêu chuẩn chức danh cán bộ và tiêu chí đánh giá cụ thể với từng chức danh cán bộ, xây dựng quy hoạch cán bộ ở tất cả các cấp, các ngành...

Trong phạm vi giáo dục - đào tạo (GD-ĐT) cấp tỉnh, mạng lưới các trường phổ thông chiếm tỉ lệ lớn, có thể nói là chủ yếu. Việc tăng cường năng lực, hiệu quả của đội ngũ CBQL các trường phổ thông trong tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục phổ thông (GDPT) là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, cấp bách và cần thiết phải đi trước một bước.

Với tinh thần đó, bài viết xin được góp ý kiến vào việc xây dựng tiêu chuẩn Hiệu trưởng các trường phổ thông tỉnh Hưng Yên giai đoạn thực hiện CNH-HĐH.

1. Thực trạng mạng lưới giáo dục phổ thông và đội ngũ CBQL các trường phổ thông tỉnh Hưng Yên

Tỉnh Hưng Yên có 161 xã/phường, thị trấn. Mạng lưới các trường phổ thông có 169 trường tiểu học, 168 trường trung học cơ sở (THCS) và 33 trường trung học phổ thông (THPT). Tính bình

quân, mỗi xã/phường, thị trấn có từ 1 đến 2 trường tiểu học, THCS; khoảng 6 xã, 3,5 vạn dân có một trường THPT.

Gần 100% trẻ em 6 tuổi và học sinh tốt nghiệp tiểu học được huy động vào học lớp 1 và lớp 6, trên 80% học sinh tốt nghiệp THCS vào học lớp 10. Năm 2000, Hưng Yên hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, năm 2001 được công nhận phổ cập THCS.

Đội ngũ CBQL các trường Tiểu học có 169 hiệu trưởng, 207 phó hiệu trưởng; THCS có 168 hiệu trưởng, 174 phó hiệu trưởng; THPT có 33 hiệu trưởng, 61 phó hiệu trưởng.

CBQL có trình độ thạc sĩ đối với các trường THPT đạt 19%, có trình độ đại học đối với các trường tiểu học đạt 28% và THCS là 47%. CBQL có trình độ dưới chuẩn ở tiểu học 23%, THCS 1,2%.

Về giới tính và độ tuổi, CBQL nữ ở tiểu học chiếm 78%, THCS 58%, THPT 17%. Tính độ tuổi trung bình dưới 50, ở tiểu học và THCS 70%, THPT 32%.

Nhìn chung, đội ngũ CBQL các trường phổ thông tỉnh Hưng Yên đủ về số lượng, trình độ đào tạo đạt chuẩn ở mức cao. Trình độ trên chuẩn ở tiểu học và THCS cao hơn THPT. Đặc biệt, chức danh phó hiệu trưởng ở tiểu học và THCS chủ yếu ở trình độ đại học.

CBQL các trường phổ thông tỉnh Hưng Yên phần lớn là những nhà giáo giỏi được bổ nhiệm, điều động sang làm công tác quản lí; nói chung đội ngũ này có phẩm chất đạo đức, ý thức chính trị tốt, yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hằng năm họ đều được đánh giá hoàn thành, hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tuy vậy, số CBQL có trình độ trên chuẩn ở THPT chiếm tỉ lệ thấp. Ở tiểu học và THCS, tỉ lệ người có trình độ trên chuẩn cao hơn, nhưng chủ yếu được đào tạo tại chức. Trình độ đội ngũ giữa các huyện không đồng đều. Trình độ lí luận chính trị của họ chủ yếu là sơ cấp và chứng chỉ. Ngoại ngữ và tin học gần như không được sử dụng hoặc được sử dụng ở mức thấp. Họ ít được bồi dưỡng, cập nhật thông tin, kiến thức, kinh



nghiệm quản lí giáo dục thường xuyên và chủ yếu quản lí bằng kinh nghiệm. Tính hình thức và bệnh thành tích khá nặng nề. Hầu như không có luân chuyển và miễn nhiệm CBQL. Nói chung, các CBQL đều được bổ nhiệm lại sau khi hết 1 hoặc 2 nhiệm kì, mặc dù một bộ phận trong đó có năng lực quản lí không theo kịp yêu cầu đổi mới giáo dục.

Mặc dù việc phân cấp quản lí cán bộ của tỉnh đã được quy định khá rõ ràng, song trên thực tế việc phối hợp trong công tác quản lí, đánh giá đội ngũ cán bộ QLGD giữa các cấp các ngành trong tỉnh còn chông chéo, phân tán, thiếu sự phối hợp. Vai trò của các cơ quan quản lí nhà nước về giáo dục trong quản lí, đánh giá CBQL giáo dục còn hạn chế.

Tỉnh và ngành chưa xây dựng được tiêu chuẩn chức danh Hiệu trưởng trường phổ thông. Công tác quy hoạch CBQL trường phổ thông thực hiện có nề nếp, tuy vậy việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trong diện quy hoạch CBQL trường phổ thông thì hầu như chưa được đặt ra.

Trước yêu cầu phát triển giáo dục trong thời kì CNH, HĐH và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đội ngũ CBQL giáo dục nói chung, GDPT nói riêng, một mặt phải khắc phục hạn chế, tiếp tục phát huy ưu điểm và tiến bộ, mặt khác phải được phát triển và nâng cao năng lực hơn nữa.

2. Xây dựng mục tiêu nâng cao năng lực đội ngũ CBQL các trường phổ thông tỉnh Hưng Yên

Hưng Yên phấn đấu cơ bản hoàn thành CNH, HĐH trước năm 2020. Điều đó đặt ra cho ngành GD-ĐT trách nhiệm hết sức nặng nề. Để phát triển GDPT giai đoạn đến 2015, định hướng 2020, tỉnh Hưng Yên xây dựng mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL các trường phổ thông như sau:

Đến năm 2010, 90% CBQL ở tiểu học, 60% ở THCS và 30% ở THPT có trình độ trên chuẩn chuyên môn; được bồi dưỡng về lí luận chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ QLGD, an ninh-quốc phòng; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí. Sau 2010, việc đề bạt CBQL trường phổ thông sẽ áp dụng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ với từng cấp học.

Về số lượng cơ cấu, Tỉnh sẽ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV, ngoài ra có một đội ngũ CBQL "Tập sự" được bố trí ở từng cấp học, địa bàn cụ thể; làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo trước

khi đề bạt; thường xuyên duy trì quy hoạch kế cận, mỗi chức danh có từ 2 đến 3 người; đảm bảo tính cân đối giữa các ban, các bộ môn trong mỗi trường, mỗi cụm trường; thường xuyên có từ 20 đến 25% CBQL được cử luân phiên đi học, đào tạo, bồi dưỡng.

Đến năm 2015, về cơ bản, hiệu trưởng trường tiểu học, THCS có trình độ đại học; hiệu trưởng các trường THPT có trình độ thạc sĩ; đảm bảo cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn; thường xuyên đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lí, cho cán bộ, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng GDPT.

Đến năm 2020, nói chung CBQL trường tiểu học và THCS có trình độ đại học, CBQL các trường THPT có trình độ thạc sĩ.

3. Xây dựng tiêu chuẩn Hiệu trưởng trường phổ thông tỉnh Hưng Yên thời kì CNH, HĐH

Căn cứ vào chủ trương của Đảng, các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, trên cơ sở nghiên cứu tình hình giáo dục Hưng Yên, chúng tôi xin đưa ra các nhóm tiêu chuẩn Hiệu trưởng trường phổ thông tỉnh Hưng Yên. Trong đó có tiêu chuẩn chung (bao gồm các yêu cầu về phẩm chất và các nhóm năng lực, hiểu biết), tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và sở trường, năng khiếu khác.

3.1. Tiêu chuẩn chung

a. Phẩm chất

Trung thành và kiên định với đường lối của Đảng, Nhà nước, chấp hành nghiêm pháp luật; có tinh thần trách nhiệm, làm việc có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục; thường xuyên học tập bồi dưỡng kiến thức và năng lực quản lí, ý thức tổ chức kỉ luật, tự phê bình và phê bình tốt; không tham nhũng, có tinh thần đoàn kết, dân chủ, quy tụ, là tấm gương nhà giáo có ảnh hưởng tích cực tới cộng đồng; tích cực học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, được đồng nghiệp và nhân dân tín nhiệm.

b. Năng lực và hiểu biết

Chúng tôi xin đề xuất 10 nhóm năng lực và hiểu biết được coi là rất cần đối với chức danh Hiệu trưởng trường phổ thông như sau:

1- Năng lực nghiên cứu và am hiểu các chủ trương chính sách lớn của Trung ương và địa phương trong lĩnh vực giáo dục;

2- Năng lực kế thừa truyền thống, vận dụng vào hiện tại và quy hoạch chiến lược;

3- Năng lực phán đoán, lường trước các trở ngại và tháo gỡ khó khăn;



4- Năng lực xử lý thông tin, duy trì các mối quan hệ và thuyết trình;

5- Năng lực phân tích, tổng hợp và ra quyết định;

6- Năng lực về chuyên môn giảng dạy và nghiệp vụ QLGD;

7- Năng lực xây dựng quy định, quy chế cho đơn vị và kiến thức về luật pháp;

8- Năng lực về tổ chức, cán bộ và kiểm tra, đánh giá;

9- Năng lực về công tác Đảng, đoàn thể, hoạt động xã hội và làm việc theo nhóm;

10- Năng lực về công tác tổng hợp hành chính, quản lý cơ sở vật chất, thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. 2. Tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các sở trường, năng khiếu khác

- *Tiêu chuẩn về chuyên môn:* Có trình độ chuyên môn trên mức chuẩn. Cụ thể, hiệu trưởng trường tiểu học, THCS phải có trình độ đại học, hiệu trưởng trường THPT có trình độ thạc sĩ QLGD hoặc thạc sĩ một chuyên ngành thuộc lĩnh vực lãnh đạo, quản lý.

- *Tiêu chuẩn về nghiệp vụ quản lý:* Hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định, hằng năm được bồi dưỡng, cập nhật thông tin, kiến thức.

- *Tiêu chuẩn về lý luận chính trị:* Trung cấp trở lên, ngoài ra hằng năm được học tập, bồi dưỡng theo chương trình của cấp uỷ, chính quyền địa phương và ngành GD-ĐT.

- *Khuyến khích các sở trường và năng khiếu:* Ngoại ngữ, tin học, văn hoá nghệ thuật, óc thẩm mỹ, thể dục, thể thao, quản lý kinh tế, hoạt động xã hội, vận động quần chúng...

3.3. Cấp phó của Hiệu trưởng

Căn cứ tiêu chuẩn của Hiệu trưởng, tương ứng với từng cấp học cụ thể, cấp phó của Hiệu trưởng cũng được áp dụng tiêu chuẩn như của cấp trưởng, nhưng được xem xét ở mức độ đang hoàn thiện.

4. Một số giải pháp chủ yếu

Để thực hiện tốt các mục tiêu, tiêu chuẩn CBQL trường phổ thông tỉnh Hưng Yên nêu trên, cần có một hệ thống giải pháp đồng bộ và chỉ đạo thống nhất của cấp uỷ Đảng, chính quyền tỉnh Hưng Yên. Trong đó cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

4.1. Làm tốt công tác quy hoạch CBQL trường phổ thông

Mỗi đơn vị trường học cần tiến hành rà soát, xác định cơ cấu đội ngũ CBQL của đơn vị mình,

trên cơ sở đó, quy hoạch cán bộ theo các văn bản hướng dẫn của cấp trên; chủ động chuẩn bị đội ngũ CBQL trường phổ thông cho các thời kỳ tiếp theo.

Cần thực hiện các nguyên tắc: Một chức danh quy hoạch từ 2 đến 3 người, trong đó phân biệt rõ quy hoạch 1, quy hoạch 2... và có kế hoạch đào tạo. Quy hoạch với nhiều độ tuổi khác nhau, ưu tiên độ tuổi phù hợp dưới 50 tuổi với nam và dưới 45 tuổi với nữ. Hằng năm phải tiến hành rà soát, đưa ra khỏi quy hoạch những người không còn đủ tiêu chuẩn, tín nhiệm và bổ sung thêm quy hoạch mới.

Công tác quy hoạch phải đảm bảo công khai, dân chủ và đúng đối tượng. Quy trình giới thiệu quy hoạch được thực hiện tại hội nghị liên tịch gồm Ban Chi uỷ, Ban Giám hiệu, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn thanh niên (Tổng phụ trách đội). Khi cần thiết, có thể mở hội nghị với đối tượng rộng hơn. Sở GD&ĐT duyệt quy hoạch đối với các trường THPT, Huyện uỷ/UBND huyện duyệt quy hoạch đối với các trường THCS, tiểu học, đồng thời ra quyết định công nhận quy hoạch và thông báo tới đơn vị.

4.2. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng CBQL và cán bộ trong diện quy hoạch

Sau quy hoạch cần phải đào tạo, bồi dưỡng cho các đối tượng được quy hoạch. Các đơn vị căn cứ quy hoạch được duyệt, tiến hành bồi dưỡng và giao nhiệm vụ. Những người trong quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện trình độ đào tạo và tự bồi dưỡng theo tiêu chuẩn.

Sở GD&ĐT có trách nhiệm tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho cán bộ trong quy hoạch toàn ngành trước khi bổ nhiệm; căn cứ chương trình đào tạo, bồi dưỡng CBQL theo quy định chung và tiêu chuẩn CBQL trường phổ thông tỉnh Hưng Yên để xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng và giao nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện; đưa việc đào tạo bồi dưỡng theo tiêu chuẩn, trở thành hoạt động thường xuyên và yêu cầu bắt buộc của công tác quy hoạch, bổ nhiệm.

4.3. Tăng cường vai trò CBQL trong hoạt động quản lý trường phổ thông

Mỗi đơn vị trường học cần xác định vai trò, trách nhiệm của CBQL trong công tác quản lý nhà trường; xác định vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu.

Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các chức danh CBQL nhà trường; chỉ đạo xây dựng quy chế làm việc và làm việc theo quy chế.



4.4. Dân chủ trong bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và đánh giá CBQL trường phổ thông

Cần đổi mới công tác đánh giá cán bộ, trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh và tiêu chí đánh giá cụ thể với từng chức danh, từng đối tượng cán bộ; đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, toàn diện và công tâm; lấy chất lượng hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chính; coi trọng và phát huy trách nhiệm của người đứng đầu, người trực tiếp quản lí, sử dụng cán bộ.

Trong thực hiện bổ nhiệm cần giữ vững nguyên tắc tập trung-dân chủ, phát huy dân chủ trong tất cả các khâu bổ nhiệm. Cán bộ được bổ nhiệm cần xây dựng Đề án công tác và báo vệ trước Hội đồng thẩm định có thẩm quyền. Sau mỗi thời hạn, cần tiến hành bổ nhiệm lại và thực hiện: một người không đảm nhận một chức danh quá 2 nhiệm kì.

4.5. Tăng cường năng lực của trường cao đẳng sư phạm và trường CBQL giáo dục

Trường cao đẳng sư phạm và trường CBQL giáo dục của tỉnh được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL trường phổ thông đối với tiểu học và THCS. Tỉnh và ngành cần quan tâm, nâng cao vị thế, trách nhiệm quyền hạn cho nhà trường; cần phân cấp mạnh mẽ hơn, tạo điều kiện cho nhà trường chủ động thực hiện nhiệm vụ.

Đối với các trường THPT, hằng năm sở GD-ĐT cần phối hợp với trường ĐHSPT, Học viện QLGD và các cơ sở có chức năng đào tạo cao học để nắm vững tình hình học tập của các sinh viên sư phạm người Hưng Yên, phối hợp đào tạo cao học và bồi dưỡng, cập nhật thông tin QLGD cho các đối tượng.

4.6. Tỉnh cần sớm ban hành chủ trương, chính sách, tạo sự thống nhất trong chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, Chính quyền thực hiện mục tiêu, tiêu chuẩn và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL các trường phổ thông tỉnh Hưng Yên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhắc nhở: "Đùng cán bộ cốt để thực hành đầy đủ chính sách của Đảng và Chính phủ".

Nghị quyết Trung ương 6 (khóa VI) đã chỉ rõ "Cần cụ thể hóa tiêu chuẩn cán bộ cho từng chức danh lãnh đạo và quản lí", "Không thể dừng ở tiêu chuẩn phẩm chất và năng lực chung chung". Thực hiện chủ trương đó Hội nghị Trung

ương 3 (khóa VIII) đã ra Nghị quyết về "Chiến lược cán bộ thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, khoá X ra Nghị quyết tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII.

Đó là chủ trương lớn của Đảng trong công tác tổ chức cán bộ thời kì đẩy mạnh CNH, HĐH; là căn cứ để mỗi cấp, mỗi ngành cụ thể hoá tiêu chuẩn cán bộ, công chức của ngành mình phù hợp với yêu cầu về chuyên môn, phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp.

Ngành GD-ĐT tỉnh Hưng Yên những năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn, đáp ứng cơ bản nhu cầu đi học của nhân dân và góp phần phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Tuy vậy, đứng trước yêu cầu ngày càng cao của quá trình hội nhập, CNH-HĐH đất nước, GD-ĐT nói chung, giáo dục phổ thông tỉnh Hưng Yên nói riêng cần phải chủ động, tích cực nâng cao năng lực QLGD, trong đó, chuẩn hoá đội ngũ CBQL trường phổ thông là một trong những nhiệm vụ hàng đầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương, *Kết luận Hội nghị lần thứ 6, BCH TW khoá IX, Nghị quyết TW 3 khoá VII, Nghị quyết TW 3 và NQ TW 7 khoá VIII về công tác tổ chức và cán bộ.*
2. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020.*
3. Tỉnh uỷ Hưng Yên, số 444-QĐ/TU, *Quyết định ban hành quy định về phân cấp quản lí cán bộ*, 2008.
4. Đặng Bá Lãm, *Giáo dục Việt Nam những thập niên đầu thế kỉ XXI, chiến lược phát triển*, NXB Giáo dục, Hà Nội-2003.
5. Nguyễn Văn Lê - *Khoa học quản lí nhà trường*-NXB Thành phố Hồ Chí Minh 1985.
6. *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXBCTQG, H.2002, tập 5, tr.269 và 273.
7. Phạm Đỗ Nhật Tiến, Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, *Cẩm nang quản lí nhà trường*, NXB Chính trị Quốc gia, Trung tâm thông tin Hội khuyến học Việt Nam, Hà Nội-2006.

SUMMARY

The article describes the status of the education network and administrative staff in Hưng Yên's schools. From that the author comments on the formulation of standards for school headmasters in Hưng Yên for the time of industrialization, modernization.